

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2018/DS-PT
Ngày: 20-7-2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hoàng Linh

Bà Đinh Thị Quý Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Mên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử công khai phúc thẩm vụ án thụ lý số 51/2018/TLPT-DS ngày 31/5/2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DSST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2018/QĐPT- DS ngày 20/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị L**, sinh năm 1963 (có mặt)

Bị đơn: Bà **Đỗ Thị Tuyết S**, sinh năm 1965 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 6, Ấp 3, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước

Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/10/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Vũ Thị L trình bày:

Từ năm 2010 đến năm 2014, bà Đỗ Thị Tuyết S có vay của bà Vũ Thị L số tiền 57.800.000 đồng nhưng không trả nên bà L có khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H giải quyết, tại Tòa án bà S thống nhất số nợ đã vay của bà L là 57.800.000 đồng và đề nghị được trả mỗi ngày 50.000 đồng cho đến khi hết nợ, bà

L đồng ý rút đơn khởi kiện và bà S viết giấy nhận nợ ngày 20/8/2014. Ngày 25/8/2014, bà S nhờ bà L vay giùm 2.700.000 đồng để trả cho bà L 1.500.000 đồng và tiêu xài cá nhân hẹn sẽ góp trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày 100.000 đồng nhưng bà S không thực hiện mà chỉ trả được 1.370.000 đồng. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu bà S trả 59.430.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,1%/tháng từ ngày 20/8/2014 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2017 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đỗ Thị Tuyết S trình bày:

Khoảng năm 2013, bà S có vay của bà Vũ Thị L số tiền 15.000.000 đồng nhưng bà S không có tiền trả nên bà L khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện H, bà L cộng cả gốc và lãi là 57.800.000 đồng nên bà S và bà L thống nhất bà S trả cho bà L 57.800.000 đồng theo hình thức trả dần mỗi ngày 50.000 đồng cho đến khi hết nợ, bà S viết giấy nợ cho bà L và đã trả tiền theo thỏa thuận trong thời gian khoảng 02 năm rưỡi thì không đóng nữa vì nghĩ rằng đã trả đủ, nay trước yêu cầu của bà L thì bà S chấp nhận trả cho bà L số tiền còn thiếu chưa trả theo thỏa thuận ngày 20/8/2014 là 12.175.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DSST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Vũ Thị L.

Buộc bà Đỗ Thị Tuyết S có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị L 57.080.000 đồng tiền gốc và 2.852.145 đồng tiền lãi, tổng cộng là 59.932.145 đồng (năm mươi chín triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn, một trăm bốn mươi lăm đồng).

Ngày 07/5/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT/VKS-DS đối với bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DSST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện H về phần lãi suất của khoản tiền vay 56.300.000 đồng.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 điều 308, điều 309 BLTTDS chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, sửa một phần bản án sơ thẩm về khoản tiền 56.300.000 đồng như sau: buộc bị đơn trả lãi cho nguyên đơn từ thời điểm chậm trả ngày 02/9/2014 cho đến khi xét xử sơ thẩm với số tiền lãi chậm trả là 18.452.325 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT/VKS-DS ngày 07/5/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H về phần lãi suất đối với số tiền vay 56.300.000 đồng.

[2] Qua xem xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Từ năm 2010 đến năm 2014 bị đơn bà S có vay của nguyên đơn bà L nhiều lần đến ngày 20/8/2014 các bên chốt lại các khoản nợ mà bà S đã vay của bà L là 57.800.000 đồng, bà S có trách nhiệm trả nợ dần cho bà L mỗi ngày 50.000 đồng đến khi hết nợ, kể từ ngày 01/9/2014, việc thỏa thuận chốt nợ và hình thức trả nợ được các bên lập thành văn bản ngày 20/8/2014 (bút lục 02) điều này được bị đơn bà S thừa nhận lại biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2017 (bút lục 17); biên bản đối chất ngày 09/01/2018 (bút lục 36) nên căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng 2015 Tòa án công nhận đây là sự thật.

Quá trình giải quyết, bị đơn bà S cho rằng sau khi chốt nợ bà đã trả cho bà L mỗi ngày 50.000 đồng và đã trả được hơn 02 năm nhưng bà không nhớ cụ thể đã trả bao nhiêu tiền, lời trình bày của bà S không được nguyên đơn bà L thừa nhận mà bà L cho rằng đối với khoản vay 57.800.000 đồng bà S trả cho bà số tiền 1.500.000 đồng, nên còn lại 56.300.000 đồng, trong suốt quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm bà S không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà đã trả tiền vay cho bà L nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 buộc bà S trả khoản nợ gốc 56.300.000 đồng đã là đúng quy định pháp luật.

[3] Tuy nhiên, hợp đồng vay tiền ngày 20/8/2014 là hợp đồng vay không có lãi nên căn cứ khoản 4, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 ngoài việc bà S phải trả nợ gốc 56.300.000 đồng, bà S còn phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc bà S trả lãi kể từ ngày các bên tranh chấp tức là ngày bà L khởi kiện tại Tòa án (ngày 02/11/2017) theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam với số tiền lãi là 2.406.825 đồng là không đúng quy định pháp luật. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H về phần này là có căn cứ nên được chấp nhận, cần sửa án sơ thẩm về phần này như sau:

Hợp đồng vay tiền ngày 20/8/2014 thỏa thuận bà S trả cho bà L 50.000 đồng/ngày kể từ ngày 01/9/2014. Bà L cho rằng bà S đã trả được 1.500.000 đồng khi vay số tiền 2.700.000 đồng, bà S lại cho rằng số tiền vay 2.700.000 đồng đã nhập vào khoản nợ 56.300.000 đồng, còn số tiền 56.300.000 đồng bà đã trả được hơn 2 năm. Như đã nhận định tại mục [2] lời trình bày của bà S là không có căn cứ. Do đó, xác định ngày bà S vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 01/10/2014 nên tiền lãi được tính: $56.300.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 03 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 22 \text{ ngày}$ (từ ngày 01/10/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/4/2018) = 18.044.000 đồng.

Như vậy, bà S phải trả cho bà L tiền gốc còn nợ: 56.300.000 đồng + 780.000 đồng = 57.080.000 đồng; tiền lãi phát sinh: 18.044.000 đồng + 445.000 đồng = 18.489.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là: 75.124.000 đồng.

[4] Do sửa án sơ thẩm nên án phí được tính lại như sau:

Án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn bà L không phải chịu, Chi cục thi hành án dân sự huyện H hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà L đã nộp 2.090.193 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012414 ngày 15/11/2017.

Bị đơn bà Đỗ Thị Tuyết S phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận là 75.124.000 đồng x 5% = 3.756.000 đồng.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DSST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện H.

Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005.

Buộc bị đơn bà Đỗ Thị Tuyết S phải trả cho nguyên đơn bà Vũ Thị L số tiền nợ gốc 57.080.000 đồng và tiền lãi phát sinh 18.044.000 đồng. Tổng số tiền là 75.124.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng)

Án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Vũ Thị L không phải chịu, Chi cục thi hành án dân sự huyện H hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà L đã nộp 2.090.193 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012414 ngày 15/11/2017.

Bị đơn bà Đỗ Thị Tuyết S phải chịu án phí 3.756.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga